

# GIẢNG DẠY ĐẠO ĐỨC VÀ ĐẠO ĐỨC NGƯỜI GIẢNG DẠY: THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

**Dr. Devin Combs Bowles\***

## **TÓM TẮT**

Trên toàn cầu, giáo dục chính quy là phương tiện quan trọng để truyền tải thông điệp Phật giáo và các quy tắc đạo đức khác cho thế hệ tương lai. Trong thế giới của sự kết nối nhanh chóng và phức tạp về đạo đức thì việc phân tích tính đặc thù tinh tế của đạo đức không còn được người ta đề cao như trước kia. Những thập kỷ gần đây, chúng ta đã chứng kiến sự mở rộng chưa từng có về số lượng người theo học đại học, kể cả những sinh viên trong và ngoài nước - sinh viên các quốc gia Phật giáo đều tham gia du học. Những điều này đã không dẫn đến kết quả tăng trưởng tương xứng trong sự phát triển tinh tế về đạo đức của toàn dân trên thế giới. Những thay đổi trong động lực thúc đẩy sinh viên và các tổ chức giáo dục bậc đại học là nguyên nhân cơ bản cho việc trì trệ sự tinh tế về mặt đạo đức. Các nhà lãnh đạo Phật giáo nên đóng vai trò xây dựng trong việc nâng cao tiêu chuẩn đạo đức của sinh viên cấp bậc đại học.

Trong những thập kỷ gần đây đã chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ về số lượng sinh viên tốt nghiệp đại học, vai trò của đạo đức trong chương trình giảng dạy đại học có xu hướng giảm. Những thay đổi trong vai trò nhận thức của các trường đại học, cộng thêm những thay đổi liên quan đến động lực thúc đẩy sinh viên vào trường đại học, là những động lực chính đưa đến sự thay đổi này. Tham dự đại học được mở rộng một phần vì bằng đại học được coi là điều kiện

---

\* Lecture, Australian National University, Executive Director, Council of Academic Public Health Institutions Australasia

Người dịch: Lê Thị Kim Ngân

tiên quyết cho việc mở rộng cơ hội tìm kiếm công việc. Do đó, có việc làm sau tốt nghiệp ngày càng được sinh viên và các trường đại học coi là mục tiêu quan trọng nhất của giáo dục đại học. Mục tiêu của các trường đại học đã chuyển từ việc định hình những người tài năng sang tìm kiếm nhiều người lao động. Sự hình thành của những người đầy đủ về nhân phẩm, có tôn giáo, xã hội và gia đình, là việc nhất thiết phải được nhấn mạnh. Vì vậy, trọng lượng của đạo đức trong chương trình giảng dạy là điều quá đỗi cần thiết. Để đảm bảo mở rộng giảng dạy đạo đức trong trường đại học, nhiều nước phương Tây đã chuyển đổi biết bao khung pháp lý cho phù hợp với các chuyên gia tương lai. Việc cắt giảm đạo đức trong chương trình giảng dạy, chỉ truyền đạt cho sinh viên cạnh tranh giới xã hội, rằng đạo đức là không quan trọng.

Các trường đại học đang ngày càng được điều hành như các doanh nghiệp, đa phần chỉ tập trung vào hiệu quả kinh tế. Sự quản lý giống như kinh doanh này có thể thay đổi hẳn đi văn hóa nhấn mạnh hành vi đạo đức và hướng dẫn đạo đức của chương trình giáo dục đại học. Có chăng các mệnh lệnh kinh doanh ấy đang thúc đẩy các trường đại học ngày càng trở nên kém đạo đức hơn, chẳng hạn như việc thừa nhận sinh viên có khả năng thất bại trong học phần hoặc sinh viên tốt nghiệp mà lại thiếu kỹ năng chuyên ngành, điều này sẽ làm xói mòn uy tín của trường đại học.

Phật giáo có truyền thống giảng dạy đạo đức lâu đời, và là người hỗ trợ tự nhiên cho việc tăng cường dạy và học đạo đức trong giáo dục đại học. Các khuôn khổ đạo đức khéo léo được phát triển qua hàng thiên niên kỷ, tư tưởng Phật giáo vẫn là công cụ quan trọng để điều hướng các thách thức đạo đức ngày nay. Học sinh và sinh viên tốt nghiệp ngày nay sẽ được hưởng nhiều lợi lạc hơn từ các hiểu biết về khái niệm Phật giáo như vô ngã, vô thường và duyên sanh. Việc tích hợp các khái niệm cốt lõi trong phạm vi Phật giáo vào giáo dục đại học có thể tái tạo lại con đường hướng dẫn đạo đức. Trang bị cho giáo viên Phật tử những hiểu biết sâu, rộng về các khía cạnh đạo đức có thể đóng một vai trò chủ đạo ở các trường đại học được ảnh hưởng bởi tư tưởng Phật giáo.

## 1. TẦM QUAN TRỌNG CỦA ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG GIÁO DỤC HỆ CHÍNH QUY

Giáo dục chính quy là phương pháp quan trọng để truyền tải các giá trị văn hóa, bao gồm các hồ trợ khuôn khổ đạo đức Phật giáo từ thế hệ này sang thế hệ tiếp theo. Rõ ràng, đạo đức đang ngày càng trở nên quan trọng đối với sự thay đổi nhanh chóng của thế giới hôm nay. Kết nối gia tăng cho phép sự giao thoa văn hóa diễn ra hơn bao giờ hết. Sự tương tác mật thiết giữ kinh tế và môi trường tỷ lệ thuận với nhau, có nghĩa là hoạt động của con người bên này quả địa cầu ngày càng tăng cũng ảnh hưởng đến người ở bên kia địa cầu (Bowles et al., 2014a, Butler et al., 2014, Bowles, 2014, Bowles et al., 2014b). Xu hướng toàn cầu trong việc tiêu thụ hàng hóa vật chất có thể gây ra hậu quả biến đổi môi trường, chẳng hạn như sự thay đổi khí hậu... Hoàn cảnh hiện tại đang ức chế sự hiểu biết đúng và hành động đúng. Thay đổi kịp thời có nghĩa là các sinh viên sẽ phải đối mặt với các tình huống mới mà họ cần đối mặt thông qua việc áp dụng khuôn khổ đạo đức cá nhân. Khi tốc độ thay đổi tăng lên, mọi người sẽ tiếp xúc với nhiều tình huống hơn mà họ chưa từng gặp phải trước đây. Điều này sẽ làm khả năng của mọi người có thể áp dụng một cách thông minh các khuôn khổ đạo đức trong những tình huống mới.

Ở nhiều nước, tầm quan trọng của giáo dục chính quy trong việc truyền đạt hiểu biết đạo đức đã tăng lên theo thời gian. Trong vài thế kỷ qua, giáo dục chính quy đã trở nên gần như phổ biến ở nhiều quốc gia. Gần đây, các cam kết công việc bên ngoài nhà đã tăng lên ở nhiều quốc gia, đặc biệt là đối với các bà mẹ. Cùng với đó, những xu hướng này đã dẫn đến việc trẻ em bị giảm cơ hội được hướng dẫn bởi cha mẹ. Ngược lại, ngày càng có nhiều phụ huynh cảm thấy rằng việc dạy con cái được thực hiện trong trường và phụ huynh có trách nhiệm tương đối ít trong vấn đề này. Số lượng và tỷ lệ người trên toàn cầu theo học đại học đã tăng với tốc độ chưa từng thấy trong những thập kỷ gần đây. Từ năm 2000 đến 2014, số lượng sinh viên đại học tăng hơn gấp đôi, từ 100 triệu lên 206 triệu (UNESCO, 2017). Điều này phản ánh xu hướng tăng trưởng dài

hạn hơn, với số lượng sinh viên tăng từ 33 triệu vào năm 1970 lên 182 triệu vào năm 2011, với phần lớn sự tăng trưởng là ở Châu Á (Viện Thống kê UNESCO, 2014). Tuy nhiên, có rất ít bằng chứng cho thấy rằng đã có sự tăng trưởng tương xứng về sự tinh tế trong đạo đức của dân số thế giới. Trong khi điều này có thể là do một số yếu tố, một số ít trong số đó nằm ngoài sự kiểm soát của các trường đại học. Bài viết chỉ tập trung vào các yếu tố mà các trường đại học có quyền kiểm soát hoặc tạo nên ảnh hưởng dựa vào sự hỗ trợ của Phật giáo. Các yếu tố thảo luận đó, bao gồm việc đưa đạo đức như là một phần của chương trình giảng dạy; dung hoà pháp luật và đạo đức; thay đổi văn hóa đại học để đáp ứng các nhu cầu kinh tế.

## 2. ĐẠO ĐỨC TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

Một lý do rõ ràng cho sự thiếu tiến bộ trong giáo dục đạo đức là sự suy giảm giá trị được đặt vào đạo đức trong chương trình giáo dục đại học. Đối lại, điều này lại tạo ra sự thay đổi trong vai trò của các trường đại học và tham vọng của các sinh viên. Thế kỷ trước, số đông những người theo học đại học đã ở đó để tìm hiểu về tôn giáo hoặc để phát triển bản thân toàn diện. Ngày nay, nhiều trường đại học lâu đời, là các tổ chức tôn giáo cũng có thể hiện rõ ràng về sự tập trung tôn giáo từ những ngày đầu. Đại học chỉ dành cho một bộ phận dân số tương đối nhỏ, giàu có và không phải lúc nào cũng được coi là điều kiện tiên quyết để tiếp tục thịnh vượng. Lực lượng lao động đã trải qua một loạt các cuộc cách mạng trong nhiều thế kỷ qua. Những công việc từng cần con người thực hiện, giờ đây có thể được thực hiện hiệu quả hơn và ít tốn kém hơn bằng máy móc. Ví dụ, ở nhiều nơi trên thế giới, các trang trại gia đình nhỏ sử dụng nhiều người đã được thay thế bằng một trang trại công nghiệp khổng lồ với nhiều thiết bị phục vụ cho nông nghiệp và làm giảm đáng kể số lượng nhân công. Điều này cũng xảy ra tương tự đối với ngành công nghiệp. Do đó, nhu cầu về lao động lành nghề cũng tăng lên và hai xu hướng cùng nhau tạo ra một nhận thức rằng giáo dục đại học cải thiện cơ hội sống của một con người (Viện thống kê của UNESCO, 2014).

Sự gia tăng của sinh viên đại học, có những lợi ích quan trọng, trong đó, ít nhất là cơ hội tham dự cho những người không giàu có hoặc ở các nước giàu có. Ngược lại, sự thay đổi này có nghĩa là việc học đại học được coi là điều cần thiết để duy trì hoặc cải thiện điều kiện tài chính của một con người. Điều này đã làm thay đổi vai trò của hầu hết các trường đại học khỏi sự hướng dẫn tôn giáo hoặc sự phát triển toàn diện đối với các chuyên gia trong tương lai. Thay đổi này cũng chứng kiến sự suy giảm tầm quan trọng của đạo đức trong chương trình giảng dạy. Đối với các công ty thuộc sở hữu tư nhân, sự hiểu biết vững chắc về đạo đức là không bắt buộc ở hầu hết các nhân viên, miễn là họ không ăn cắp gì từ công ty là được. Thật vậy, các công ty niêm yết công khai dễ bị thua kém về mặt pháp lý nếu họ đưa ra các quyết định đạo đức, cái mà không tối đa hóa lợi nhuận gì cho các cổ đông. Đối với nhiều vai trò, cả trong và ngoài khu vực tư nhân, nhân viên được đánh giá cao về kỹ năng kỹ thuật hơn là hiểu biết về đạo đức. Kết quả là, nhiều loại bằng cấp không còn có bất kỳ yêu cầu nào đối với việc học đạo đức và trở thành những cơ hội hiếm hoi hơn cho những sinh viên tìm kiếm đạo đức học. Tương tự, tỷ lệ học sinh học đạo đức hay tôn giáo rõ ràng đã giảm.

Trong phạm vi mà đạo đức được dạy chính thức, chúng thường được kết hợp với, (và được trợ giúp bởi) giảng dạy pháp lý. Đây là một phản ứng khác cho sự thay đổi vai trò và mục tiêu của trường đại học. Trong nhiều khóa học, bộ môn đạo đức học của chương trình bị chi phối bởi các yêu cầu pháp lý cho nghề nghiệp, với hai lý do. Một, mặc dù luật pháp có nghĩa là phản ánh khuôn khổ đạo đức được xã hội đồng ý, nhưng nó thường không được thực hiện phải lẽ. Đôi khi là do luật pháp, có thể bị ảnh hưởng quá mức bởi các nhóm lợi ích đặc biệt hoặc có thể chỉ là sự phản ánh không hoàn hảo của các giá trị đạo đức được chia sẻ. Cũng có những hạn chế cố hữu ở chỗ sự tinh tế trong các cân nhắc về đạo đức được giảm xuống thành các phán quyết nhị phân về pháp lý với bất hợp pháp hoặc phải chịu trách nhiệm so với không chịu trách nhiệm pháp lý. Sự đơn giản hóa cho các quyết định nhị phân này trở nên trầm trọng hơn trong bối cảnh mà cân nhắc tài chính được ưu tiên. Hạn

chế lớn thứ hai là giáo dục như vậy chỉ tập trung vào đào tạo tính chuyên nghiệp trong công việc của sinh viên. Do đó, bỏ qua hẳn các vai trò bên ngoài như các mối quan hệ với gia đình, hàng xóm, tăng sĩ Phật giáo hoặc các cộng đồng tôn giáo khác.

Sự suy giảm hiện tại của đạo đức trong chương trình giảng dạy cùng với tính ưu việt của pháp lý trong khuôn khổ đạo đức là điều không thể bị mai một đối với sinh viên. Điều này đưa ra thông điệp làm giảm tầm quan trọng của đạo đức, hoặc những cân nhắc về đạo đức đang trở nên đơn giản đến mức không cần thiết trong giáo dục.

### 3. DẠY ĐẠO ĐỨC NHƯ MỘT NGÀNH THƯƠNG MẠI

Một yếu tố khác trong việc giảm thiểu các trường đại học giảng dạy đạo đức là do phong trào điều hành các trường đại học như các doanh nghiệp. Sự gia tăng số lượng học sinh có nghĩa là một số quốc gia trợ cấp học phí cho công dân thường ở nhiều cấp độ khác nhau đối với mỗi học sinh. Các nước đang phát triển nhanh chóng mở rộng cơ sở hạ tầng đại học và số lượng tuyển sinh được mở rộng đưa đến việc trợ cấp toàn phần cho sinh viên là một thử thách lớn cho quốc gia. Sinh viên quốc tế hầu như không bao giờ được trợ cấp các chi phí học tập mà phải trả tiền trực tiếp cho trường đại học nhưng số lượng sinh viên quốc tế thì lại ngày càng tăng. Như thế, các trường đại học bắt đầu thu phí sinh viên hoặc gia đình sinh viên. Thực tế, các trường đại học đang bán giáo dục, và điều này đã dẫn đến trường học phải chịu áp lực từ thị trường và được quản lý tương tự như các doanh nghiệp.

Các định hướng kinh tế tài chính trong điều kiện như thế này đã mở đường cho các tổ chức giáo dục đưa ra quyết định ẩn tàng nhiều ý nghĩa đạo đức tiêu cực. Ví như, thước đo của nền kinh tế thường rất quan trọng đối với các trường đại học, như là việc duy trì số lượng sinh viên cho trường học thì tài chính là cái cần phải cân nhắc. Áp lực này dẫn đến các trường đại học chiêu sinh sinh viên thiếu chất lượng, có thể là do giáo dục các lớp dưới kém hoặc hạn chế nhận thức bẩm sinh. Như vậy, thật đáng lo ngại cho sinh viên quốc tế, bởi các em có thể không nắm bắt được ngôn ngữ giảng dạy



hoặc có thể không quen với một phong cách hoặc tiêu chuẩn giáo dục tại nước bạn. Bên cạnh đó, sinh viên quốc tế cũng ít được hỗ trợ từ phía địa phương hơn sinh viên bản địa và có khi còn bị sốc bởi văn hoá sở tại. Việc du học của sinh viên quốc tế có thể đại diện cho một khoản đầu tư gia đình đáng kể và làm tăng áp lực học tập của sinh viên.

Đầu tiên, việc tuyển sinh thiếu chất lượng khiến các giảng viên làm việc khó khăn hơn và họ thường chọn theo hướng tiêu cực vì họ không có thời gian giải thích riêng cho từng em một - những sinh viên đang gặp khó khăn trong học tập. Trong những trường hợp hiếm hoi khi giáo viên có đủ thời gian để giúp đỡ học sinh thì lại không biết sinh viên của mình ở đâu và ai cần được giúp đỡ. Hơn nữa, họ phải xem xét các vấn đề công bằng cho các sinh viên khác.

Thứ hai là sự thất bại đối với sinh viên. Điều này có thể ảnh hưởng đến nghề nghiệp tương lai, quan hệ gia đình cũng như cộng đồng của các em. Đạo đức của quyết định tuyển sinh như vậy rất phức tạp bởi vì những em sinh viên được nhận vào học, họ đầu tư tiền bạc và thời gian với một kỳ vọng hợp lý rằng, sẽ lấy được bằng tốt nghiệp. Trường hợp đây không phải nguyên do chính, lỗi một phần do các cơ sở giáo dục đã nhận vào, nhưng hậu quả tồi tệ nhất là sinh viên gánh chịu.

Thứ ba, các sinh viên đã được tốt nghiệp, hậu quả tác hại gây ra, bao gồm việc hạ thấp các tiêu chuẩn của trường đại học, mạng lưới nhiều người bị ảnh hưởng là lớn, mặc dù mức độ gây hại cho mỗi người lại nhỏ. Ví như, một nhóm người bị ảnh hưởng tiêu cực là sử dụng lao động của sinh viên tốt nghiệp không đủ năng lực, đưa đến giám sát viên và đồng nghiệp có thể cần phải thực hiện công việc bổ sung để bù đắp cho nhân viên thiếu năng lực. Người tiêu dùng của nhân viên làm việc kém cũng sẽ bị ảnh hưởng, chẳng hạn như, nếu nhân viên mới, mắc lỗi khi thiết kế một chiến dịch y tế công đồng, do đó sức khỏe của mọi người có thể bị tổn hại.

Các ảnh hưởng tiêu cực cũng xảy ra do xu hướng chung qua việc cho tốt nghiệp một số sinh viên không đủ năng lực. Điều này làm

xói mòn giá trị bằng cấp sinh viên đối với các nhà tuyển dụng nhân sự và gây ra bất lợi sinh viên tốt nghiệp có năng lực thật sự. Sinh viên có năng lực lại cần phải thể hiện bản thân hơn để chứng minh tài năng của mình. Ví như, từ đầu khoá học, các môn đã được nhà trường điều chỉnh ở mức dưới mức tối thiểu để cho phép sinh viên kém có thể ra trường, như vậy, nguyên nhân này đã khiến sinh viên có năng lực tốn nhiều thời gian để chứng minh mình trước các nhà tuyển dụng tiềm năng. Ở cấp độ xã hội, điều này làm giảm năng suất thời gian mà sinh viên có năng lực đóng góp cho lực lượng xã hội. Năng suất tổng thể do đó cũng tổn giảm đi nhiều.

Tóm lại, các trường đại học có thể hoặc dường như bị tổn hại nhiều về mặt đạo đức vì phải đáp ứng yêu cầu thị trường lao động. Điều này làm giảm vị thế chất lượng giảng dạy đạo đức của các cơ sở giáo dục, cũng giảm đi nhiệt huyết đối với giáo sư cũng như giáo viên, và cũng làm giảm cả khả năng tiếp thu của sinh viên. Xu hướng này ngày càng trở nên ảnh hưởng hổ tương hơn.

#### 4. VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO

Phật giáo có bề dày lịch sử về xây dựng tư tưởng và hành động theo chuẩn mực đạo đức, được phản ánh trong việc nhấn mạnh vào việc giảng dạy đạo đức qua hàng thiên niên kỷ, dù Phật giáo có mặt ở nơi đó hay không thì tất cả mọi người đều công nhận. Phật tử cũng đóng góp tích cực trong việc xây dựng chất lượng đạo đức nhà Phật. Ngày nay, mặc dù điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội khác xa với thời Phật còn tại thế, nhưng khuôn khổ đạo đức của Phật giáo từ xưa đến nay vẫn là công cụ hữu ích để mọi người tham gia vào các thách thức đạo đức thời đại. Sinh viên chưa tốt nghiệp và sinh viên tốt nghiệp sẽ được hưởng lợi ích từ hướng dẫn đạo đức Phật giáo, bao gồm các khái niệm cốt lõi như vô ngã, vô thường và các thủ chấp. Việc tích hợp các khái niệm này và khuôn khổ đạo đức Phật giáo có thể làm tăng cường hướng dẫn đạo đức tại các trường đại học, kể cả ở các quốc gia không phải Phật giáo.



Mặc dù có lợi ích, nhưng các trường thế học phương Tây phải đối mặt với những trở ngại để phối hợp giảng dạy đạo đức Phật giáo, các yếu tố văn hóa, bao gồm xu hướng cách ly các vấn đề tôn giáo là một trở ngại. Điều này có thể được khắc phục bằng việc áp dụng trí tuệ Phật giáo thông qua các khái niệm thế học. Tuy nhiên, những trở ngại lớn hơn vẫn là vai trò nhận thức của giáo dục đại học, đòi hỏi của thị trường nhân lực như đã đề cập trên, điều này có khả năng sẽ ngăn cản sự thay đổi hệ thống giáo dục cấp độ đại học ở phương Tây trong tương lai gần.

Do đó, cống hiến tốt nhất của Tăng đoàn là chịu trách nhiệm chính trong việc truyền đạt trí tuệ đạo đức Phật giáo. Qua đây, các trường đại học chịu ảnh hưởng của Phật giáo và trường Phật học đóng vai trò quan trọng, ngoài việc hướng dẫn tôn giáo, mở các lớp thế học đưa đạo đức Phật giáo làm chìa khoá chính mở rộng số lượng sinh viên tham gia, tuy số lượng sinh viên học văn bằng Phật học có thể ít và tăng trưởng chậm.

Bằng cách cung cấp nhiều khoá học về đạo đức để sinh viên trở thành những người lao động có đạo đức, các trường đại học Phật giáo có thể đóng góp vai trò quan trọng, nâng cao năng lực đạo đức của lực lượng lao động trong tương lai. Giáo dục đại học chỉ được tiếp cận bởi một bộ phận dân số và là một phần giới hạn của cuộc sống, do đó, cải thiện sự hiểu biết toàn cầu về đạo đức Phật giáo không nên chỉ dựa vào giáo dục đại học mà cả đóng góp của phụ huynh học sinh cũng rất quan trọng.

## 5. KẾT LUẬN

Sự tăng trưởng kinh tế, xã hội, chính trị, ... đòi hỏi sự khéo léo về đạo đức ngày càng cao. Các trường đại học từ xưa đến nay luôn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức đạo đức, vì sinh viên tham dự đại học đang tăng vọt hơn bao giờ. Dù vậy, sự hiểu biết về đạo đức của toàn dân chưa bắt kịp yêu cầu của xã hội. Điều này, một phần do sự thay đổi trong vai trò nhận thức của giáo

dục đại học qua việc đáp ứng lực lượng lao động thị trường nhân sự. Cho nên, đối với các trường Phật học, việc đưa tư tưởng đạo đức Phật giáo vào chương trình giảng dạy sẽ giúp giải quyết các vấn nạn xã hội hiện nay. Do vậy, Tăng đoàn cũng nên cải thiện tích cực hơn vì hướng dẫn đạo đức toàn cầu không chỉ dừng lại ở cấp bậc giáo dục đại học.<sup>(1)</sup>

1

### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

PBowles, d. C. 2014. The concept of dependent arising in reducing the likelihood and effects of climate-related conflict. In: thich, n. T. & thich, d. T. (eds.) Buddhist response to environmental protection. Religion press.

Bowles, d. C., braidwood, m. & butler, c. D. 2014a. Unholy trinity: climate change, conflict and ill health. In: butler, c. D. (ed.) Climate change and global health. Wallingford: cabi.

Bowles, d. C., butler, c. D. & friel, s. 2014b. Climate change and health in earth's future. Earth's future, 60-67.

Butler, c. D., mathieson, a., bowles, d. C. & godson, a. 2014. Climate change and health in africa. In: butler, c. D. (ed.) Climate change and global health. Wallingford: cabi.

Unesco 2017. Six ways to ensure higher education leaves no one behind.

Unesco institute for statistics 2014. Higher education in asia: expanding out, expanding up. Montreal